

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-ST  
Ngày 11- 02-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Á

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Cho
2. Ông Nguyễn Văn Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Panal - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/HSST-QĐ ngày 29/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/HSST-QĐ ngày 19/01/2022 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Lê Quốc K;** Tên gọi khác: Tùng, Giới tính: Nam. Sinh năm: 1989; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Bán vé số. Trình độ học vấn: 09/12 Cha: Lê Văn Lợi, sinh năm 1961 (sống). Mẹ: Nguyễn Thị Tung, sinh năm 1961 (sống). Anh, chị, em ruột: 05 người. Bị can chưa có vợ. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo Lê Quốc Khanh bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Ngày 07/12/2021, bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Châu Thành A ra Quyết định khởi tố bị can số 139/QĐ-

CSĐT-TTXH về hành vi đánh bạc. Ngày 13/12/2021, bị cáo Lê Quốc K bị bắt tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Trần Văn Th;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nam. Sinh năm: 1978; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp 4, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 04/12. Cha: Trần Văn Thọ, sinh năm 1954 (sống). Mẹ: Thái Hồng Vân, sinh năm 1952 (sống). Anh, chị, em ruột: 05 người. Vợ: Lưu Ngọc Huệ, sinh năm 1981. Con: 02 người (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008). Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Trần Văn Th bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**3. Họ và tên: Quách Minh Ng;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1990; Nơi sinh: TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: ấp 1, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Không rõ. Mẹ: Quách Ngọc Chiếu, sinh năm 1962 (sống). Anh, chị, em ruột: không. Chồng: Không rõ. Con: có 01 người con sinh năm 2017. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Quách Minh Ng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**4. Họ và tên: Nguyễn Thị N;** Tên gọi khác: Duyên, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1980; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Đăng ký thường trú: xã Bình Đức Tây, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Bị cáo biết đọc và viết chữ (tự học). Cha: Nguyễn Văn Thành (chết). Mẹ: Nguyễn Thị Bé Hai, sinh năm 1955 (sống). Anh, chị, em ruột: 03 người. Chồng: Nguyễn Quốc Duy, sinh năm 1983. Con: 02 người (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020). Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo Nguyễn Thị N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**5. Họ và tên: Trần Thị T;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1978; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Cha: Trần Văn Nhỏ, sinh năm 1949 (sống). Mẹ: Lê Thị Cửa, sinh năm 1955 (sống). Anh, chị, em ruột: 05 người. Bị can chưa có chồng. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Trần Thị T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**6. Họ và tên: Phan Ngọc P;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1971; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 09/12. Cha: Phan Văn Cho (chết). Mẹ: Lê Thị Cà, sinh năm 1947 (sống). Anh, chị, em ruột: 01 người. Chồng: Đinh Văn Trông, sinh năm 1972. Con: 03 người lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2004). Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Phan Ngọc Phượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**7. Họ và tên: Thi Thị S;** Tên gọi khác không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1963; Nơi sinh: quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Cha: Thi Văn Thí (chết). Mẹ: Nguyễn Thị Bông (chết). Anh, chị, em ruột: 05 người. Chồng: Trần Văn Năm, sinh năm 1964. Con: 05 người (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2000). Tiền án: không. Tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2018, bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đã xóa tiền sự. Bị cáo Thi Thị Sáu bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**8. Họ và tên: Lê Thị Bạch L;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1972; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp 2, thị trấn B, huyện Châu Thành A, Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 05/12. Cha: Lê Văn Phụng (chết), Mẹ: Huỳnh Thị Thuê (chết). Anh, chị, em ruột: 03 người. Chồng: Cao Văn Lùng, sinh năm 1967. Con: 02 người (lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1992). Tiền án: không. Tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2015, năm 2018 bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đã được xóa tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Lê Thị Bạch Lê bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**9. Họ và tên: Phùng Thị U;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1979; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp H, xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Mua bán. Trình độ học vấn: 06/12. Cha: Phùng Văn Đạt, sinh năm 1931 (sống). Mẹ: Hồ Thị Hiếu (chết). Anh, chị, em ruột: 04 người. Chồng: Lư Thanh Vũ, sinh năm 1979. Con: 02 người (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2016). Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Phùng Thị Út bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**10. Họ và tên: Lê Kim Q;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1988; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 04/12. Cha: Lê Văn Lũy, sinh năm 1968 (sống). Mẹ: Nguyễn Thị Kiều, sinh năm 1965 (sống). Anh, chị, em ruột: 02 người. Chồng: Nguyễn Phước Ngân (đã ly hôn). Con: 02 người (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015). Tiền án: không. Tiền sự: không. Năm 2020, bị cáo bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Lê Kim Quyến bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**11. Họ và tên: Nguyễn Thị S;** Tên gọi khác không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1957; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Hộ khẩu thường trú: ấp K, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 01/12. Cha: Nguyễn Văn Mẹo (chết). Mẹ: Phạm Thị Đáng (chết). Anh, chị, em ruột: 07 người. Chồng: Tạ Quang Cuột, sinh năm 1956. Con: 05 người (lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1989). Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Nguyễn Thị Sang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**12. Họ và tên: Nguyễn Thị Tm;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1986; Nơi sinh: huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 08/12. Cha: Nguyễn Văn Cường (chết). Mẹ: Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1934 (sống). Anh,

chị, em ruột: 07 người. Chồng: Trần Hoàng Ca, sinh năm 1984. Con: 02 người (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017). Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/4/2021 đến 24/4/2021. Bị cáo Nguyễn Thị Tm bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**13. Họ và tên: Nguyễn Thị Bích E;** Tên gọi khác không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1994; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 08/12. Cha: Nguyễn Văn Duy (chết). Mẹ: Phan Thị Nhan, sinh năm 1949 (sống). Anh, chị, em ruột: 10 người. Chồng: Nguyễn Văn Vinh, sinh năm 1995. Con: 02 người (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020). Tiền án: không; Tiền sự: 01, cụ thể : Ngày 01/4/2021, bị Công an xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt hành chính số 11/QĐ-XPHC số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi Đánh bạc trái phép, ăn thua bằng tiền. Hiện tại, bị đã đóng phạt. Bị cáo Nguyễn Thị Bích E bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/4/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**14. Họ và tên: Trần Thúy M;** Tên gọi khác: không, Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1982; Nơi sinh: huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 06/12. Cha: Trần Văn Long (chết). Mẹ: Võ Thị Đồi, sinh năm 1956 (sống). Anh, chị, em ruột: 04 người. Chồng: không rõ; Con: Trần Bùi Như Thành, sinh năm 2008. Tiền án: không. Tiền sự: không. Ngày 28/5/2021, bị cáo đầu thú. Bị cáo Trần Thị M bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/6/2021 đến ngày 14/8/2021. Bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 15/4/2021, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang kết hợp Công an xã T, huyện Châu Thành A tiến hành kiểm tra và quả tang tụ điểm đánh bạc tại ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Khi bắt quả tang có mặt các đối tượng gồm (bút lục 04-78): Lê Kim Q, Nguyễn Thị Bích E, Trần Văn Th, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị N, Lê Thị Bạch L, Phan Ngọc P, Trần Thị T, Phùng Thị U, Nguyễn Thị S, Quách Minh Ng, Thi Thị S.

Quá trình điều tra xác định: Trước ngày 15/4/2021 khoảng 02 ngày, Lê Quốc K (tên gọi khác: Tùng, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang) chuẩn bị bài Tây, chiếu lót để tổ chức cho các đối tượng khác đánh bài ăn tiền tại những phần đất trống không ai trông coi nhằm mục đích thu tiền xấu. Tuy nhiên, người chơi những ngày trước ngày bị bắt và số tiền chơi K không xác định được cụ thể. Đến sáng 10 giờ ngày 15/4/2021, K đi tiếp tục mua năm bộ bài Tây, rồi lấy chiếu lát để lót, lấy đồ để che nắng đem đến phần đất trống tọa lạc tại ấp 3, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang để tổ chức cho các đối tượng khác tham gia đánh bạc nhằm mục đích thu tiền xấu. Cụ thể, các đối tượng chơi đánh bài binh Ẩn Độ loại 06 lá, ăn thua trực tiếp bằng tiền. Khi chơi, có một tụ làm cái và khoảng bảy tụ đặt. Mỗi tụ đặt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Làm cái xoay vòng mỗi người ba ván (bàn), những người làm cái gồm: Th, Ng, N, T, những người còn lại tham gia đặt tụ và ké. Khi Th và Ng vừa làm cái xong đang chuyển sang T làm cái thì lực lượng Công an vào bắt quả tang. Đối với người làm cái sau khi xong ba ván thì đưa xấu cho K từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Trong quá trình tổ chức đánh bạc, Khanh có mua nước cho các đối tượng uống, ngày 15/4/2021, K đã thu xấu được 85.000 đồng, cộng với số tiền các ngày trước đó K thu cầu được tổng cộng 305.000 đồng, số tiền này K đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra vào ngày 17/4/2021 (bút lục 07-08, 112, 451-454).

Về số tiền đánh bạc và cách thức tham gia của từng bị cáo cụ thể (bút lục 07-78, 451-508):

- Trần Văn Th và Quách Minh Ng, cùng nhau đi đánh bạc, khi đi cả hai đem theo khoảng 4.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, tiền do Ng giữ. Ngoài ra, trong túi Th còn 90.000 đồng để sử dụng cá nhân. Khi đánh bạc, Ngọc chia bài, tính thắng thua, còn Th thì coi bài. Khi làm cái có đưa xấu cho K 02 lần với số tiền 40.000 đồng. Quá trình đánh bạc thua, khi lực lượng Công an bắt quả tang, tạm giữ trên người Ng số tiền 1.860.000 đồng, tiếp tục sử dụng đánh bạc. Còn 90.000 đồng tạm giữ trên người T không sử dụng để đánh bạc.

- Nguyễn Thị N, khi đi đánh bạc mang theo 6.500.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc có tham gia làm cái, đặt tụ và có đưa xấu cho K 20.000 đồng. Quá trình đánh bạc thắng, khi Công an bắt quả tang, tạm giữ trên người N 7.080.000 đồng, Ngon tiếp tục sử dụng 1.580.000 đồng để đánh bạc.

- Trần Thị T, khi đi đánh bạc mang theo 1.850.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi đánh bạc tham gia đặt tụ thua 650.000 đồng, đang chuẩn bị làm cái thì Công an vào bắt quả tang, tạm giữ 1.200.000 đồng, T tiếp tục sử dụng đánh bạc.

- Phan Ngọc P, khi đi đánh bạc đem theo 700.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc tham gia kè tụ thua 600.000 đồng, còn đang đặt 100.000 đồng dưới chiếu bạc thì Công an bắt quả tang tạm giữ.

- Thị Thị S, khi đi đánh bạc mang theo 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi đánh bạc tham gia đặt tụ nhiều ván có thắng, thua nhưng hòa vốn. Khi Công an bắt quả tang, Sáu đang đặt 500.000 đồng dưới chiếu thì bị lực lượng Công an bắt quả tang tạm giữ.

- Lê Thị Bạch L, khi đi đánh bạc đem theo 5.400.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng đánh bạc, khi đánh bạc tham gia kè tụ. Khi Công an bắt quả tang đang đặt 100.000 đồng dưới chiếu bạc nên bị tạm giữ, tạm giữ trên người L 5.300.000 đồng, L tiếp tục sử dụng 300.000 đồng đánh bạc.

- Phùng Thị U, khi đi đánh bạc mang theo 6.120.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc tham gia kè tụ thắng được 300.000 đồng. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang, U bỏ chạy rút mất 2.300.000 đồng, bị Công an tạm giữ 4.120.000 đồng không sử dụng để đánh bạc.

- Lê Kim Q, khi đi đánh bạc mang theo 810.000 đồng, sử dụng số tiền 310.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc tham gia kè tụ Nguyễn Thị S thì bị lực lượng Công an vào bắt quả tang, tạm giữ trên người Q 710.000 đồng, Q sử dụng 210.000 đồng để tiếp tục đánh bạc.

- Nguyễn Thị S, khi đi đánh bạc mang theo 1.050.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc tham gia đặt tụ thua 20.000 đồng, đang đặt 300.000 đồng (có 100.000 đồng Q kè) dưới chiếu bạc thì lực lượng Công an vào bắt quả tang tạm giữ, Sang bỏ chạy làm rút 830.000 đồng bộ Công an tạm giữ xung quanh khu vực đánh bạc.

- Nguyễn Thị T, khi đi đánh bạc mang theo 2.000.000 đồng sử dụng 20.000 đồng mua nước uống, còn 1.980.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi đánh bạc tham gia kè tụ cái, thua 1.700.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang tạm giữ 280.000 đồng, tiếp tục sử dụng đánh bạc.

- Nguyễn Thị Bích E, khi đi đánh bạc đem theo 380.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng đánh bạc, khi đánh bạc tham gia kè tụ thua 100.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang, đang đặt 100.000 đồng dưới chiếu nên bị tạm giữ, số tiền còn lại 180.000 đồng bỏ chạy làm rút mất.

- Trần Thúy M, khi đi đánh bạc mang theo 2.100.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc tham gia đặt, ké tụ thắng được 100.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang, đang đặt 100.000 đồng dưới chiếu nên bị tạm giữ, Công an tạm giữ trên người 2.100.000 đồng, tiếp tục sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc.

Đối với số tiền tạm giữ xung quanh khu vực đánh bạc 1.880.000 đồng, trong đó có 830.000 đồng là của Nguyễn Thị S sử dụng để đánh bạc, còn lại 1.050.000 đồng chưa xác định được của ai.

Như vậy, số tiền dùng để đánh bạc ban đầu theo lời khai của các đối tượng là 14.690.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, số tiền dùng để đánh bạc tại thời điểm lực lượng Công an bắt quả tang đã chứng minh được là 8.560.000 đồng (Tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), bao gồm: 6.030.000 đồng tạm giữ trên người các đối tượng tiếp tục sử dụng đánh bạc, 1.700.000 đồng tạm giữ tạm chiếu bạc, 830.000 đồng tạm giữ xung quanh khu vực đánh bạc (của đối tượng Nguyễn Thị S bỏ trong túi áo khoát và cởi áo khoát chạy khi công an bắt).

Vật chứng của vụ án: Đang tạm giữ theo quy định gồm (bút lục 303-312):

- Hai chiếc chiếu lát đã qua sử dụng; Năm bộ bài Tây (một bộ đã sử dụng).

- Sáu điện thoại di động đã qua sử dụng gồm: Một hiệu Nokia 230, màu đen; Một hiệu Iphone 6; Một hiệu Oppo, màu vàng đồng; Một hiệu Nokia 105, màu đen; Một hiệu Nokia 106, màu đen; Một hiệu Samsung màu xanh.

- Tiền Việt Nam: 26.625.000 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Theo Cáo trạng số 38/CT-VKS-HCTA ngày 14 tháng 8 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố các bị cáo Lê Quốc Khanh về tội Tổ chức đánh bạc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Văn Th, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Lê Quốc K về tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan



Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M về tội “Đánh bạc”.

Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phân tích hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quốc K về tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M về tội “Đánh bạc”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Quốc K xử phạt 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2021.

Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Thị Bạch L, Trần Văn Th, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Thi Thị S, Nguyễn Thị Tm. Xử phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thị Bích E, Quách Minh Ng, Lê Kim Q.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Phùng Thị U, Phan Ngọc P, Trần Thúy M, Nguyễn Thị S.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Lê Thị Bạch L, Nguyễn Thị Bích E, Thi Thị S mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo L cho UBND thị trấn B, bị cáo Bích E, Thi S cho UBND xã T giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Văn Th, Lê Kim Qn mỗi bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Th, Q cho UBND xã T giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Phùng Thị U, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Trần Thúy M, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận

được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Ng cho UBND xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; Giao bị cáo N, T, P, M cho UBND xã T, huyện Châu Thành A giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; Giao bị cáo S cho UBND xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; Giao bị cáo Tm cho UBND xã T, huyện Phụng Hiệp giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Trần Văn T, Quách Minh Ng, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T được khấu trừ thời gian cải tạo không giam giữ là 27 ngày (do trước đó đã bị tạm giữ 09 ngày).

Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Tịch thu tiêu hủy*: 02 (hai) chiếc chiếu lát đã qua sử dụng, 05 (năm) bộ bài Tây (một bộ đã qua sử dụng).

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước*:

Tiền dùng vào việc đánh bạc: 8.560.000 đồng (gồm: 6.030.000 đồng tạm giữ trên người các bị cáo sử dụng đánh bạc, 1.700.000 đồng tạm giữ tạm chiếu bạc, 830.000 đồng của bị cáo S bỏ chạy rớt).

Tiền tạm giữ xung quanh khu vực đánh bạc không chứng minh được chủ sở hữu: 1.050.000 đồng.

Tiền thu lợi bất chính bị cáo K tự nguyện giao nộp 305.000 đồng.

- *Trả lại cho*:

Trần Văn T 01 điện thoại di động Nokia 230 màu đen đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 90.000 đồng. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án.

Nguyễn Thị N một điện thoại di động hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 5.500.000 đồng. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án.

Lê Thị Bạch L một điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng đồng đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án.

Trần Thị T một điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng;

Phùng Thị U một điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đen đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 4.120.000 đồng.

Trần Thúy M một điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng, tiền Việt Nam 1.500.000 đồng.

Lê Kim Q tiền Việt Nam 500.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định. Trừ bị cáo Nguyễn Thị S được miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc khởi tố, điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A, việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lê Quốc K, Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M đều thừa nhận hành vi các bị cáo đã thực hiện. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, chứng minh được như sau: Khoảng 10 giờ ngày 15/4/2021, tại phần đất trống không ai trông coi thuộc ấp 3B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Lê Quốc K đã chuẩn bị chiếu lát, bài tây, nước uống để tổ chức cho các đối tượng Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M tham gia đánh bài binh 06 lá (binh ăn độ) ăn thua trực tiếp bằng tiền. Số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 8.560.000 đồng.

[2.2] Về tội danh:

[2.2.1] Đối với bị cáo Lê Quốc K đã tổ chức cho 13 đối tượng đánh bạc chơi ăn thua bằng tiền cùng một lúc gồm: Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự, an toàn xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi đánh bài ăn thua bằng tiền là vi phạm

pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

[2.2.2] Các bị cáo Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M tham gia đánh bài binh 06 lá (binh ăn độ) ăn thua trực tiếp bằng tiền. Số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 8.560.000đồng. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Lê Quốc K trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có người thân là liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị N, bị cáo Trần Thị T, không biết chữ, bị cáo Nguyễn Thị S trình độ học vấn thấp (01/12) nên nhận thức pháp luật hạn chế là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Phùng Thị U, Phan Ngọc P, có người thân liệt sĩ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Thúy M bị cáo đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xác định mức hình phạt phù hợp, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[2.4] Xét về tính chất, mức độ và hình phạt áp dụng cho từng bị cáo: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội để có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện nhằm thể hiện tính răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[2.4.1] Đối với hành vi của bị cáo Lê Quốc K có vai trò đầu vụ, trực tiếp người đứng ra tổ chức cho các bị cáo khác đánh bài ăn thua trực tiếp bằng tiền với mục đích thu tiền xấu. Bị cáo thừa nhận đã tổ chức 03 lần, gồm các ngày 13/4/2021, ngày 14/4/2021 và ngày 15/4/2021, bị cáo thu xấu tổng số tiền 305.000 đồng. Mặt khác, trong thời gian chờ xét xử bị cáo được tại ngoại lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc và đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A ra Quyết định khởi tố đối với bị can số 139/QĐ-CSĐT-TTXH. Qua đó, thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để ngăn ngừa và cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

[2.4.2] Đối với các bị cáo Trần Văn Th, Quách Minh Ng, Lê Kim Q: Đối với Th và Ng là người trực tiếp đứng ra làm cái ăn thua với các bị cáo khác; Bị cáo Lê Kim Q có nhân thân xấu, từng có một tiền sự về hành vi đánh nhau. Do đó, khi lượng hình cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

[2.4.3] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Phùng Thị U, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Trần Thúy M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước.

Như vậy, các bị cáo Trần Văn Th, Quách Minh Ng, Lê Kim Q, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc Ph, Phùng Thị U, Nguyễn Thị S Nguyễn Thị Tm, Trần Thúy M phạm tội lần đầu, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo.

[2.4.4] Đối với các bị cáo Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Nguyễn Thị Bích E: Các bị cáo Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, các bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đã nộp tiền phạt và đã được xóa tiền sự. Đối với Nguyễn Thị Bích E đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, chưa xóa tiền sự.

Lẽ ra, các bị cáo phải xem đó làm bài học để sửa đổi bản thân nhưng trái lại các bị cáo tiếp tục tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền là hành vi nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo. Xét thấy các bị cáo có cùng hành vi đánh bạc và có 02 tình tiết giảm nhẹ, mặc dù đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Do vậy, khi áp dụng hình phạt các bị cáo sẽ bị xử phạt hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo có chỗ ở rõ ràng, số tiền đánh bạc không lớn. Do đó, không cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

[3.1] Đối với 02 chiếc chiếu bằng lát đã qua sử dụng, 05 bộ bài tây, trong đó một bộ đã qua sử dụng là công cụ dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

[3.2] Đối với các điện thoại và tiền thu giữ trên người các bị cáo, xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần trả lại. Cụ thể:

Trả lại cho bị cáo Trần Văn Th số tiền 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230, màu đen, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Lê Thị Bạch L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng đồng đã qua sử dụng.

Tuy nhiên, số tiền tạm giữ của các bị cáo Trần Văn Th, Nguyễn Thị N, Lê Thị Bạch L. Xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Phùng Thị U số tiền 4.120.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, màu đen.

Trả lại cho bị cáo Lê Kim Q số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Trần Thúy M số tiền 1.500.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, màu xanh đã qua sử dụng.

[3.3] Đối với số tiền 8.560.000 đồng (Tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) gồm: 6.030.000 đồng tạm giữ trên người các đối tượng tiếp tục sử dụng

đánh bạc, 1.700.000 đồng tạm giữ tại chiếu bạc, 830.000 đồng tạm giữ xung quanh khu vực đánh bạc (của đối tượng Nguyễn Thị S bỏ trong túi áo khoát và cởi áo khoát chạy khi công an bắt); số tiền 1.050.000 đồng thu xung quanh chiếu bạc; số tiền 305.000 đồng tiền bị cáo K thu xâu. Đây là số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc, thu lợi bất chính từ việc đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền) :

Đối với bị cáo Lê Quốc K: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nghề nghiệp bán vé số nên không áp dụng hình phạt tiền theo quy khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đối với các Trần Văn Th, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Nguyễn Thị Tm sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác và không có hoàn cảnh khó khăn. Đối với Thi Thị S, Lê Thị Bạch L có nhân thân xấu (có 01 đến 02 lần xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc). Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Văn Th, Lê Thị Bạch L, Nguyễn Thị Tm, Trần Thị T, Thi Thị S mới đủ sức răn đe.

Đối với các bị cáo Quách Minh Ng, Phan Ngọc P, Nguyễn Thị S, Trần Thúy M, Lê Kim Q, Nguyễn Thị Bích E, Phùng Thị U. Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ hoặc hết tuổi lao động nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự các bị cáo.

[5] Xét thấy các bị cáo Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo.

[2.5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trừ bị cáo Nguyễn Thị S được miễn án phí (thuộc diện người cao tuổi).

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lê Quốc K phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Quốc K xử phạt 01(một) năm tù. Thời hạn

tù tính từ ngày 13/12/2021.

**2. Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M phạm tội “Đánh bạc”.

**[2.1]** Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Thị Bạch L 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo Lê Thị Bạch L còn phải chấp hành 19 (mười chín) tháng và 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Lê Thị Bạch L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Thi Thị S 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Thi Thị S số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Xử phạt Trần Văn Th 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo Trần Văn Th còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng và 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Trần Văn Th số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Xử phạt Nguyễn Thị Tm 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị Tm còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng và 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tm số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

**[2.2]** Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo Trần Thị T còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng và 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Trần Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).



Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

**[2.3]** Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích E 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lê Kim Q 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo Lê Kim Q còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng và 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Quách Minh Ng 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo Quách Minh Ng còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng và 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

**[2.4]** Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt các bị cáo Phùng Thị U, Nguyễn Thị S, Phan Ngọc P mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày tạm giữ tương đương 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, mỗi bị cáo U, S, P còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng và 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt các bị cáo Trần Thúy M mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Bích E, Lê Kim Q, Trần Văn Th, Phan Ngọc P, Trần Thúy M, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Thi Thị S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Tm cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Giao bị cáo Quách Minh Ng cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Giao bị cáo Lê Thị Bạch L cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân thị trấn trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Giao bị cáo Phùng Thị U cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Giao bị cáo Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo do các bị cáo không có thu nhập ổn định và người cao tuổi.

**3. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

*Tịch thu sung quỹ Nhà nước:*

Số tiền dùng vào việc đánh bạc 8.560.000 đồng (Tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), bao gồm: 6.030.000 đồng tạm giữ trên người các đối tượng tiếp tục sử dụng đánh bạc, 1.700.000 đồng tạm giữ tại chiếu bạc, 830.000 đồng tạm giữ xung quanh khu vực đánh bạc (của đối tượng Nguyễn Thị S bỏ trong túi áo khoát và cởi áo khoát chạy khi công an bắt).

Số tiền 1.050.000 đồng xung quanh chiếu bạc không chứng minh được chủ sở hữu.

Số tiền thu lợi bất chính 305.000 đồng (bị cáo Khanh giao nộp).

*Tịch thu tiêu hủy:* 02 (hai) chiếc chiếu bằng lát đã qua sử dụng, 05 (năm) bộ bài tây (một bộ đã qua sử dụng).

*Trả lại cho các bị cáo:*

Trần Văn Th số tiền 90.000 đồng (Chín mươi nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230, màu đen, đã qua sử dụng. Tuy nhiên, tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm

trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng. Tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị T01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Lê Thị Bạch L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng đồng đã qua sử dụng. Tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Phùng Thị U số tiền 4.120.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, màu đen.

Trả lại cho bị cáo Lê Kim Q số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Trần Thúy M số tiền 1.500.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, màu xanh đã qua sử dụng.

**4. Về trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra xem xét.

**5. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Các bị cáo Lê Quốc K, Trần Văn T, Quách Minh Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị T, Phan Ngọc P, Thi Thị S, Lê Thị Bạch L, Phùng Thị U, Lê Kim Q, Nguyễn Thị Tm, Nguyễn Thị Bích E, Trần Thúy M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị S được miễn án phí (bị cáo thuộc diện người cao tuổi).

**6. Trường hợp Bản án được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**7. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;

- Công an huyện Châu Thành A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Mỹ Á**